

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lệ Thương**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hơ**.

2. Ông **Nguyễn Văn Trạng**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trạng** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Phúc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2020 về việc tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HN ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị V**, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 21/8 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 29A, khu phố 7, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Trí C**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 10/4C Đinh Bộ Lĩnh, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày:** Năm 2004 chị và anh C quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng hai tháng tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ngày 08/5/2006.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên nhậu say, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được nên đã ly thân khoảng 01 năm nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Khánh An, sinh ngày 26/7/2006 và Trần Ngọc Trâm, sinh ngày 03/10/2011, hiện các cháu đang sống với chị.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh C; con chung chị yêu cầu được

nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Trí C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa Thẩm phán thực hiện đúng quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phần trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với bị đơn anh Trần Trí C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử, nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh C.

Tranh chấp giữa chị Phạm Thị V và anh Trần Trí C là tranh chấp “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại phiên Tòa chị V yêu cầu được ly hôn với anh C; con chung 02 con chung tên Trần Khánh An, sinh ngày 26/7/2006 và Trần Ngọc Trâm, sinh ngày 03/10/2011, khi ly hôn chị V yêu cầu được nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vắng mặt không lý do.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, do quen biết chị V và anh C chung sống với nhau từ năm 2004. Quá trình chung sống do anh C thường xuyên nhậu say, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được nên đã ly thân khoảng 01 năm nay. Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt không lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị V cho thấy anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh C đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Chị V xác định giữa chị và anh C có 02 con chung tên Trần Khánh An, sinh ngày 26/7/2006 và Trần Ngọc Trâm, sinh ngày 03/10/2011, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi sinh ra đến nay cháu An và cháu Trâm do chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do đó cần giao các con cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị V xác là có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Trần Trí C.

2/ Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị V nuôi hết có 02 con chung tên Trần Khánh An, sinh ngày 26/7/2006 và Trần Ngọc Trâm, sinh ngày 03/10/2011, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, bà đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001200 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, xem như chị đã nộp xong.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị V được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Trí C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP M;
- UBND Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự:
 - + Chị Phạm Thị V;
 - + Anh Trần Trí C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Lệ Thương